

Ngày: 29/4/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành

Các thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hạnh- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Lùng- Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 56/2021/TLPT-KDTM ngày 05/3/2021 về việc Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 41/2020/ KDTM-ST ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2021/QĐ-PT ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội và Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2021/QĐ-PT ngày 20/4/2021 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải T

Địa chỉ trụ sở tại: P303 B3 - 101 L, phường L, quận Đ, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Thu H – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quốc B, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ liên hệ tại: P615 Tòa nhà 133, ngõ 131 T, phường T, quận Đ, thành phố H.

**- Bị đơn:** Công ty TNHH MTV Tổng công ty xăng dầu Q;

Địa chỉ trụ sở: Số 33B P, phường P, quận H, H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng U – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tiến H, sinh năm 1971; ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng có địa chỉ liên hệ tại: số 33B P, phường P, quận H, thành phố H.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hồ Sỹ H – Công ty Luật TNHH LHD thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

*Người kháng cáo:* Công ty TNHH MTV Tổng công ty xăng dầu Q

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/9/2018 và tại các biên bản ghi lời khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 25/10/2010 Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải T (viết tắt là Công ty Hàng hải T) và Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty xăng dầu Q (tên trước đây là Tổng Công ty xăng dầu Q) (viết tắt là Công ty Xăng dầu Q) đã ký kết Hợp đồng dịch vụ thu đòi bồi thường từ người thứ ba số 009/MIPECORP-TMS/2010. Theo đó Công ty Xăng dầu Q đã thuê Công ty Hàng hải T đòi bồi thường từ người thứ ba là Chủ tàu Vinashin 1 đối với thiệt hại hàng hóa chở trên tàu Thiên Tân ALCI thuộc phần trách nhiệm bồi thường của Chủ tàu Vinashin 1 trong tai nạn đâm va giữa tàu Vinashin 1 và tàu Thiên Tân ALCI ngày 12/4/2009.

Ngày 15/12/2010 Công ty Hàng hải T và Công ty Xăng dầu Q tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 01-009/MIPECORP-TMS/2010. Theo đó Công ty Xăng dầu Q tiếp tục thuê Công ty T đòi bồi thường từ người thứ ba là Chủ tàu Thiên Tân ALCI đối với phần tổn thất hàng hóa thuộc trách nhiệm bồi thường của Chủ tàu Thiên Tân ALCI.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Hàng hải T đã nghiên cứu hồ sơ vụ việc, khiếu nại các bên liên quan, soạn thảo đơn khởi kiện, tư vấn chuẩn bị hồ sơ liên quan để Công ty Xăng dầu Q khởi kiện vụ án ra Tòa án, đồng thời Công ty Hàng hải T cử người nhận ủy

quyền của Công ty Xăng dầu Q để tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp có thẩm quyền.

+ Ngày 05/12/2012, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên Tòa số: 25/2012/QĐST-DS; theo nội dung của Quyết định này thì Công ty TNHH MTV vận tải Viễn dương Vinashin bồi thường cho Công ty Xăng dầu Q số tiền là: 4.800.000.000 đồng.

+ Ngày 14/12/2015, Tòa án nhân dân thành phố H ra bản án phúc thẩm số 31/2015/KDTM-PT; theo nội dung của bản án này thì Công ty cổ phần vận tải biển và thương mại Thiên Tân phải bồi thường cho Công ty Xăng dầu Q số tiền là: 4.273.316.430 đồng.

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ thu đòi bồi thường từ người thứ ba số: 009/MIPECORP – TMS/2010 ngày 25/10/2010 và phụ lục hợp đồng số 01-009/MIPECORP-TMS/2010 ngày 15/12/2010 ký giữa hai bên thì tỷ lệ phí dịch vụ được tính như sau:

Nếu tỷ lệ thu đòi được dưới 60% thì phí dịch vụ là 25%

Nếu tỷ lệ thu đòi được từ 60 % - 79% thì phí dịch vụ là 30%

Nếu tỷ lệ thu đòi được từ 80 % - 100% thì phí dịch vụ là 35%

*Thời gian thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm xảy ra một trong hai điều kiện dưới đây, tùy theo điều kiện nào đến trước:* Điều kiện thứ nhất: Bên thứ ba chấp nhận bồi thường và khoản tiền bồi thường được chuyển thành công vào tài khoản của Bên A (Bên A trong hợp đồng là Công ty Xăng dầu Q); Điều kiện thứ hai: Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật được Tòa án có thẩm quyền đưa ra.

Sau khi có bản án, quyết định của Tòa án nhân dân quận H và Tòa án nhân dân thành phố H, Công ty Hàng hải T đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị Công ty Xăng dầu Q thanh toán phí dịch vụ nhưng cho đến nay Công ty Hàng hải T vẫn chưa nhận được thanh toán từ Công ty Xăng dầu Q

Như vậy: Căn cứ tính số tiền yêu cầu thanh toán như sau:

Theo nội dung Quyết định số 25/2012/QĐST-DS ngày 05/12/2012 của Tòa án nhân dân quận H thì: Số tiền Công ty Xăng dầu Q yêu cầu Công ty TNHH MTV Vận tải viễn dương Vinashin bồi thường thiệt hại là: 4.289.651.488 đồng và tiền lãi là:

1.029.516.357 đồng, tổng cộng là: 5.319.167.845 đồng. Tòa án quận H đã chấp nhận buộc Công ty TNHH MTV Vận tải viễn dương Vinashin phải bồi thường cho Công ty Xăng dầu Q số tiền là: 4.800.000.000 đồng. Vậy tỷ lệ thu đòi được là 90,23 %. Căn cứ hợp đồng số 009/MIPECORP – TMS/2010 thì phí dịch vụ thu đòi là 35% tương đương với số tiền là: **1.680.000.000 đồng.**

Theo bản án số 31/2015/KDTM-PT ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố H thì: Số tiền Công ty Xăng dầu Q yêu cầu Công ty cổ phần vận tải biển và thương mại Thiên Tân bồi thường trị giá hàng hóa tổn thất là: 3.441.366.164 đồng và tiền lãi là 1.866.128.000 đồng, tổng cộng: 5.307.494.164 đồng. Tòa án nhân dân thành phố H đã chấp nhận buộc Công ty cổ phần vận tải biển và thương mại Thiên Tân phải bồi thường cho Công ty Xăng dầu Q là: 4.273.316.430 đồng. Vậy tỷ lệ thu đòi được là: 80.51%. Căn cứ hợp đồng dịch vụ số 009/MIPECORP – TMS/2010 thì phí dịch vụ thu đòi là 35% tương đương với số tiền là: **1.495.660.750 đồng.**

Tổng cộng phí dịch vụ thu đòi mà Công ty xăng dầu Q phải trả cho nguyên đơn là: 3.175.660.750 đồng.

Ngày 17/9/2012 Tổng Công ty Xăng dầu Q và Công ty Hàng hải T đã ký phụ lục hợp đồng số 03-009/MIPECORP-TMS/2012. Theo đó thì Công ty Xăng dầu Q tạm ứng 10% cho Công ty Hàng hải T và Công ty Xăng dầu Q đã chuyển khoản cho Hàng hải T trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký phụ lục hợp đồng với tổng số tiền là : 1.019.000.000 đồng. Số tiền này Công ty Hàng hải T đã nhận được và đã sử dụng để làm chi phí thực hiện việc khởi kiện ở giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm.

Nay Công ty Hàng hải T tự nguyện trừ đi số tiền đã nhận tạm ứng này là:  $(3.175.660.750 \text{ đồng} - 1.019.000.000 \text{ đồng}) = 2.156.660.750 \text{ đồng}.$

Đại diện nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc Công ty Xăng dầu Q còn phải tiếp tục thanh toán tiền phí thu đòi bồi thường từ bên thứ ba cho Công ty Hàng hải T là **2.156.660.750 đồng.**

Về tiền lãi do chậm thanh toán: Đại diện nguyên đơn tự nguyện xin rút yêu cầu đối với tiền lãi chậm thanh toán.

***Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Nguyễn Thành T trình bày:***

Xác nhận việc giữa hai công ty có ký kết Hợp đồng dịch vụ thu đòi bồi thường từ người thứ ba số 009/MIPECORP-TMS/2010 ngày 25/10/2010 và Phụ lục số 01-

009/MIPECORP-TMS/2010 ngày 15/12/2010. Theo đó Công ty Xăng dầu Q thuê Công ty Hàng hải Tđôi bồi thường thiệt hại của Công ty Xăng dầu Q đối với các đơn vị vận tải là Chủ tàu Vinashin 1 và Chủ tàu Thiên Tân ALCI.

Công ty Hàng hải Tđôi căn cứ theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa số 25/2012/QĐST-DS ngày 05/12/2012 của Tòa án nhân dân quận H và Bản án phúc thẩm số 31/2015/KDTM-PT ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố H để yêu cầu đòi Công ty Xăng dầu Q tổng số tiền phí dịch vụ là **3.175.660.751 đồng**, đại diện bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì:

Căn cứ Điều 2.1 Hợp đồng dịch vụ số 009/MIPECORP-TMS/2010 xác định việc tính phí dịch vụ thu đòi bồi thường theo nguyên tắc: ***“không đòi được tiền không phải trả phí”***. Do vậy, để có căn cứ chứng minh quyền yêu cầu thanh toán của nguyên đơn, đề nghị nguyên đơn xuất trình các tài liệu chứng minh việc Công ty Xăng dầu Q đã nhận được tiền bồi thường thiệt hại của Bên có nghĩa vụ theo các Bản án và Quyết định của Tòa án như nội dung mà nguyên đơn đã nêu, đồng thời đề nghị đại diện nguyên đơn xuất trình tài liệu làm căn cứ để tính số phí phải trả vì trong hợp đồng đã quy định rõ nếu thu được dưới 60% thì phí là 25%, thu được từ 60% - 79% phí là 30%, thu được 80% - 100% thì phí là 35%.

Ngoài ra bị đơn còn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hướng đình chỉ trả lại đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án xác minh thời điểm nộp đơn khởi kiện cho đến khi có Thông báo thụ lý vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với bị đơn.

***Bản án sơ thẩm số 41/2020/KDTM-ST ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân quận H đã xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Tđôi với Tổng Công ty xăng dầu Q theo hợp đồng số 009/MIPECORP-TMS/2010 ngày 25/10/2010.

Buộc Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty xăng dầu Q phải thanh toán cho Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Tđôi tổng số tiền là: **2.156.660.750 đồng** (Hai tỷ, một trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Công ty Hàng hải Tđôi đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty xăng dầu Q không thanh toán hoặc

thanh toán không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH MTV Tổng công ty xăng dầu Q kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### ***Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay***

*Đại diện nguyên đơn:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các lời khai, chứng cứ đã cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện bị đơn:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi xác định ngày khởi kiện của nguyên đơn là ngày 04/10/2017 là sai, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn (kể từ ngày 30/12/2015 đến ngày 04/10/2017) là sai vì theo bị đơn Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định ngày quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm là thời điểm sau 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân quận H ban hành Quyết định số 25 ngày 05/12/2012 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định là ngày 30/12/2015 (sau 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân thành phố H ban hành bản án phúc thẩm số 31/2015). Đồng thời, trong trường hợp này phải xác định ngày khởi kiện của nguyên đơn là ngày nộp đơn khởi kiện bổ sung (ngày 18/9/2018) nên căn cứ Điều 319 Luật Thương mại thì thời hiệu khởi kiện đã hết.

Việc ký kết hợp đồng dịch vụ thu đòi bồi thường người thứ ba giữa nguyên đơn và bị đơn xuất phát từ việc các chủ tàu Vinashin 1 và chủ tàu Thiên Tân không có khả năng thanh toán tiền bồi thường cho bị đơn. Do đó nguyên đơn phải tiến hành việc thu đòi bồi thường với bên thứ ba là Công ty bảo hiểm của các chủ tàu Vinashin 1 và chủ tàu Thiên Tân mới đúng.

*Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày luận cứ:*

Căn cứ vào hợp đồng số 009/MIPECORP-TMS/2010 ngày 25/10/2010 và các phụ lục hợp đồng đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn thì không có căn cứ xác định nghĩa

vụ của bị đơn đối với nguyên đơn. Sau khi hai bên ký hợp đồng và phụ lục hợp đồng, Công ty T (nguyên đơn) chưa thu được tiền cho bị đơn. Lẽ ra nguyên đơn phải tiến hành việc thu đòi bồi thường với bên thứ ba là Công ty bảo hiểm của các chủ tàu Vinashin 1 và chủ tàu Thiên Tân mới đúng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn (kể từ ngày 30/12/2015 đến ngày 04/10/2017) là sai vì theo bị đơn Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định ngày quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm là thời điểm sau 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân quận H ban hành Quyết định số 25 ngày 05/12/2012 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định là ngày 30/12/2015 (sau 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân thành phố H ban hành bản án phúc thẩm số 31/2015). Trong trường hợp này phải xác định ngày khởi kiện của nguyên đơn là ngày nộp đơn khởi kiện bổ sung (ngày 18/9/2018). Vì vậy, toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích nội dung vụ án đã phát biểu ý kiến như sau:*

Đơn kháng cáo trong thời hạn, các đương sự kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

*Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:* Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định pháp luật.

*Về các nội dung kháng cáo:* Xét việc các bên ký kết Hợp đồng dịch vụ giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định Bộ luật dân sự. Do đó xác định Hợp đồng dịch vụ là hợp pháp và có hiệu lực thi hành. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Xác định nguyên đơn khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện. Kháng cáo của bị đơn không phù hợp với hợp đồng hai bên đã ký.

Từ phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

## **1. Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo của bị đơn được làm trong thời hạn luật định và đã đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho tất cả các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm có đại diện nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

*\* Về quan hệ pháp luật:* Tranh chấp giữa Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải T và Tổng công ty xăng dầu Q phát sinh từ hợp đồng dịch vụ số 009/MIPECORP-TMS/2010 ngày 25/10/2010 nên được xác định là tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo quy định pháp luật.

*\* Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn là Tổng công ty xăng dầu Q có địa chỉ trụ sở: Số 33B P, phường P, quận H, thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

*\* Về quyền khởi kiện, chủ thể khởi kiện:* Phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

## **2. Về nội dung kháng cáo:**

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

*Về việc bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn là sai, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 05/12/2012 Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 25/2012/QĐST-DS và Ngày 14/12/2015, Tòa án nhân dân thành phố H ra bản án phúc thẩm số 31/2015/KDTM-PT. Như vậy ngày 05/12/2012 Tòa án quận H ra quyết định nêu trên thì Công ty Hàng hải T mới thực hiện được một phần của Hợp đồng dịch vụ. Ngày 14/12/2015 Tòa án nhân dân thành phố H ra Bản án số 31/2015/KDTM-PT thì công việc theo Hợp đồng dịch vụ số 009/MIPECORP-TMS/2010 ngày 25/10/2010 và Phụ lục Hợp đồng số 01-009 giữa nguyên đơn và bị đơn mới hoàn thành. Tại khoản 2.4 Điều 2 của Hợp đồng quy định về thời gian thanh toán là: “trong thời hạn 15 ngày kể từ thời điểm xảy ra một trong hai điều kiện dưới đây tùy



theo điều kiện nào đến trước: Bên thứ ba chấp nhận bồi thường và khoản tiền bồi thường được chuyển thành công vào tài khoản của Bên A (Bên A trong hợp đồng là Công ty Xăng dầu Q); Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật được Tòa án có thẩm quyền đưa ra”. Như vậy trong hạn 15 ngày kể từ ngày 14/12/2015 Công ty Xăng dầu Q phải thực hiện việc thanh toán phí dịch vụ. Đến ngày 30/12/2015 Công ty Xăng dầu Q không trả phí dịch vụ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 18/9/2017 Công ty Hàng hải T có đơn khởi kiện và đến ngày 04/10/2017 Tòa án nhân dân quận H nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn (là 01 năm 09 tháng 04 ngày còn trong thời hiệu khởi kiện). Việc bị đơn cho rằng không có tài liệu nào để chứng minh Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn vào tháng 10 năm 2017. Tòa án cấp phúc thẩm thấy tuy không có tài liệu về việc nhận đơn khởi kiện nào năm 2017. Tuy nhiên, trong các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện để chứng minh tư cách pháp lý của nguyên đơn khởi kiện có bản sao công chứng lập tháng 10/2017. Hợp đồng số 009/MIPECORP-TMS/2010 ngày 25/10/2010 và Phụ lục số 01-009/MIPECORP-TMS/2010 ngày 15/12/2010 được công chứng vào tháng 10/2017 nên có cơ sở để xác định thời điểm nguyên đơn khởi kiện là tháng 10/2017. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi để đơn khởi kiện lâu mới thụ lý vụ án. Việc bị đơn cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết và yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là không đúng, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn là có căn cứ, đúng với quy định pháp luật.

Theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng các bên đã ký thì nguyên đơn đã thực hiện xong phần nghĩa vụ của mình nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả tiền dịch vụ là có căn cứ.

Việc bị đơn cho rằng tại khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng 009/MIPECORP – TMS/2010 ngày 25/10/2010 quy định: “ Phí dịch vụ thu đòi bồi thường được tính theo nguyên tắc – **không đòi được tiền không phải trả phí**” và do hiện nay bị đơn chưa thu được tiền từ Công ty Viễn dương Vinashin và Công ty cổ phần vận tải biển và thương mại Thiên Tân nên chưa phát sinh nghĩa vụ trả phí là không đúng và không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Căn cứ vào hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mà nguyên đơn và bị đơn ký với nhau thì nguyên đơn đã thực hiện các công việc cần thiết và đã hoàn thành khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án có thẩm quyền. Đồng thời, bị đơn không yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Hà Nội thi hành đối với Quyết định số 25. Điều này được thể hiện tại Công văn số 153/CV-THADS ngày 03/11/2020

của Chi cục thi hành án dân sự quận H và biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/01/2014 giữa Công ty Xăng dầu Q và Công ty Vinashin thể hiện sau khi có Quyết định số 25 Công ty Xăng dầu Q đã tự gấp gở làm việc với Công ty Vinashin và Công ty Vinashin đã trả cho Công ty xăng dầu Q số tiền là 150.000.000 đồng, số tiền còn lại tính đến ngày 31/12/2013 Công ty Vinashin còn nợ Công ty Xăng dầu Q là 4.650.000.000 đồng. Tại Công văn số 35/CCTHADS ngày 14/02/2020 Chi cục thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố H cho biết đã ra Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án tại Bản án số 31/2015KDTM-PT ngày 14/12/2015 vì lý do Công ty Thiên Tân đã không còn hoạt động, bỏ địa chỉ và không có tài sản gì để thi hành.

*Hội đồng xét xử sau khi xem xét số tiền dịch vụ mà bị đơn phải trả trong vụ án này thấy rằng:* Sau khi ký hợp đồng dịch vụ nêu trên, Công ty Hàng hải T đã tiến hành các công việc theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Kết quả: Ngày 05/12/2012, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 25/2012/QĐST-DS, theo đó thì Công ty Vinashin bồi thường cho Tổng Công ty Xăng dầu Q số tiền là: 4.800.000.000 đồng.

Ngày 14/12/2015, Tòa án nhân dân thành phố H ra bản án phúc thẩm số 31/2015/KDTM-PT theo đó thì Công ty cổ phần vận tải biển và thương mại Thiên Tân phải bồi thường cho Tổng Công ty Xăng dầu Q số tiền là 4.273.316.430 đồng. Căn cứ Điều 2 của Hợp đồng dịch vụ số: 009/MIPECORP – TMS/2010 ngày 25/10/2010 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 15/12/2010 thì phí dịch vụ Tổng Công ty Xăng dầu Q phải thanh toán cho Công ty Hàng hải T được tính theo tỷ lệ số tiền thu đòi được như sau:

Theo nội dung Quyết định số 25/2012/QĐST-DS ngày 05/12/2012 của Tòa án nhân dân quận H thì tỷ lệ thu đòi được là 4.800.000.000 đồng : 5.319.167.845 đồng x 100 = 90,23%. Vì vậy phí dịch vụ thu đòi là 35% số tiền thu đòi được tương đương 35% x 4.800.000.000 đồng = **1.680.000.000 đồng.**

Theo bản án số 31/2015/KDTM-PT ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố H thì tỷ lệ thu đòi được là: 4.273.316.430 đồng : 5.307.494.164 đồng x 100 = 80,51%. Vì vậy, phí dịch vụ thu đòi là 35%; số tiền thu đòi được tương đương: 35% x 4.273.316.430 đồng = **1.495.660.750 đồng.**

Tổng cộng phí dịch vụ thu đòi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là **2.156.660.750 đồng** (sau khi đã trừ đi số tiền bị đơn đã tạm ứng cho nguyên đơn theo phụ lục hợp đồng số 03 ngày 17/9/2012 là 1.019.000.000 đồng).

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn là Tổng Công ty xăng dầu Q phải trả nguyên đơn số tiền phí dịch vụ là **2.156.660.750** đồng theo hợp đồng hai bên đã ký là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Từ những phân tích nêu trên nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo Tổng công ty xăng dầu Q. Tuy nhiên, lãi suất chậm thanh toán của bị đơn ở khi thi hành án không đúng quy định pháp luật nên phải sửa.

Luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và nghĩa vụ của bị đơn có 03 nội dung trùng với kháng cáo của bị đơn đã được Hội đồng xét xử phân tích nên không nêu lại.

Kết luận của vị đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 38, Khoản 2 Điều 148, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 518; khoản 2 Điều 520; Điều 524 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 87; Điều 319 Luật Thương mại năm 2005;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 41/2020/KDTM-ST ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải T đối với Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty xăng dầu Q theo hợp đồng số 009/MIPECORP-TMS/2010 ngày 25/10/2010 và phụ lục hợp đồng số 01-009/MIPECORP-TMS/2010 ngày 15/12/2010.

**1. Buộc Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty xăng dầu Q phải thanh toán cho Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Tổng số tiền là: 2.156.660.750 đồng** (Hai tỷ, một trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Tcó đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty xăng dầu Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chậm thi hành án.

## **2.Về án phí:**

Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty xăng dầu Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 75.133.000 đồng (bảy mươi lăm triệu, một trăm ba mươi ba nghìn đồng). Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty xăng dầu Q không phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền án phí phúc thẩm. Trả lại Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty xăng dầu Q 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0018156 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội

Trả lại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Tsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.800.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002939 ngày 29/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 29/4/2021

**Nơi nhận:**

- VKSND T/p Hà Nội;
- TAND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Minh Thành**